

Tường Lan Trang, sau đổi là Tường Lân đến thế kỷ thứ 19 mới đổi là Tường Thụy. Hoà Mạc xa xưa có tên là thôn Mác<sup>(1)</sup>. Văn Bút địa thế giống như cái nghiên cái bút. Nhân dân Trác Văn từ xa xưa vốn có thuần phong, mỹ tục, có tinh thần lao động cần cù và đặc biệt là tinh thần đấu tranh chống ngoại xâm, chống cường quyền áp bức. Sáu vị thần được thờ ở 5 miếu và đình thôn Tường Thụy thì 5 vị là tướng lĩnh có công giúp nước diệt giặc ngoại xâm (trong đó 4 vị là người sinh ra và lớn lên ngay ở Tường Lan Trang). Nhiều bức hoành phi, câu đối, bài châm... ở đình làng và các miếu còn ghi lại công ơn của các vị và cảnh đẹp của thôn trang...

Tường Lân là trụ sở Ty Hiến Sát Trấn Sơn Nam cuối thời Lê Trịnh (Trấn Sơn Nam lúc đó gồm các tỉnh Hà Đông, Hà Nam, Thái Bình, Hưng Yên và Nam Định) nhân dân được hưởng quyền lợi dân chủ<sup>(2)</sup> năm 1624 tên Thượng thư Nguyễn Khải cậy quyền đã chuyển thủ phủ đi nơi khác và cho tay chân về cai quản Tường Lân, bóc lột ức hiếp nhân dân. Vừa mất quyền lợi “Thủ Lệ” vừa bị ức hiếp, nhân dân đã kiện lên Chúa Trịnh, đấu tranh kéo dài mấy chục năm mới giành được thắng lợi<sup>(3)</sup>.

Nhân dân xã Trác Văn vốn có truyền thống cần cù lao động, yêu quê hương, đất nước, có tinh thần chống ngoại xâm, chống cường quyền áp bức. Ngay cuối thời Hùng Vương, Tường Lan đã có 5 vị tướng giúp vua đuổi giặc phương Bắc. Đầu thế kỷ 17, mười bốn đại biểu nhân dân Tường Lan đã ký chung lá đơn tố cáo tên

---

<sup>1</sup> Câu đối đình thôn Hoà Mạc:

...Tài liệu thần phủ thôn Tường Thụy. Hai bức hoành phi ở đình: Dữ quốc đồng lưu, vì dân chi tắc “nước với dân là một, nước yên thì dân yên – làm dân phải biết giữ phép tắc nhà nước”. Bài châm có 4 câu thơ ca ngợi địa phương sản sinh ra tướng giỏi: Hà nhạc chung vì anh hùng – Hùng triều / iển tướng tinh.

<sup>2</sup> Ghi ở bia xóm Đình. Dân nơi đóng phủ gọi là dân “Thủ Lệ” ...miễn đắp đê, làm đường và sưu thuế. Bia này dựng năm ...khi dân được phục hồi quyền thủ lệ.

<sup>3</sup> Văn chỉ là trung tâm văn hoá của thôn. Các cụ đã để ra 12 mẫu ruộng làm học bổng cho người nghèo học giỏi. Nay còn 2 bia đá của Văn chỉ.

Thượng thư Nguyễn Khải, đến năm 1679 thu được thắng lợi. Nhân dân trong xã từ lâu đời có truyền thống hiếu học. Khu Văn chỉ (ở Tường Thụy) có đền thờ Khổng Tử, có bia “Học Điền” (bia khuyến học). Trong xã có khu đất gọi là “Đất học điền” để cấp cho những người chăm lo, chịu khó học tập là một trong hai di tích cũ ghi lại truyền thống hiếu học của huyện Duy Tiên. Dưới thời thuộc Pháp bọn đế quốc và tay sai không quan tâm mở mang việc học. Đến năm 1927 mới có 2 trường tổng sư ở Hoà Mạc và Tường Thụy dạy đến sơ học yếu lược (lớp 3 ngày nay). Để học tiếp đến sơ học bổ túc (tức là hết tiểu học ngày nay) gần 50 con em Trác Văn ở những thôn Tường Thụy, Văn Bút, Hoà Mạc, Lôi Hà phải đi xin học ở các trường Nga Khê (Lý Nhân) xa 5 km và Lam Cầu (Duy Tiên xa trên 10km). Năm 1943 mới có thêm 2 trường dạy vỡ lòng ở Văn Bút và Lệ Thủy do quỹ làng trả trợ cấp cho hương sư. Ngược lại nạn cờ bạc, hút sách, rượu chè và các thủ tục đình đám ma chay, lệ ngạch, cúng lễ, khao vọng... lại được bọn thực dân và tay sai khuyến khích. Chúng huỷ hoại thuần phong mỹ tục, duy trì chính sách ngu dân cho nên trước cách mạng tháng Tám năm 1945, số dân mù chữ trong xã chiếm trên 90%. Thôn nào cũng có cờ bạc, đại lý rượu cồn và bàn đèn thuốc phiện. Thôn nhỏ dăm chục hộ cũng có vài ba bàn đèn, cỗ thôn tới 10 bàn đèn như Hoà Mạc.

Việc du nhập đạo Gia - tô hồng ru ngủ hoặc nhân dân ở đây không đạt kết quả mong muốn của bọn thực dân, cả xã chỉ có dưới 5% là giáo dân, phân tán ở Lệ Thủy, Lạt Hà, Trại Trần với 3 nhà thờ lẻ lợp tranh, không có linh mục hoặc thầy dòng cai quản. Phần lớn số giáo dân này “khô đạo”, một phần tin đạo nhưng với lòng kính chúa yêu nước, lương giáo luôn luôn giữ được truyền thống đoàn kết và càng phát huy truyền thống ấy sau khi có chính quyền cách mạng.

Đường xá, sông ngòi ở Trác Văn là cơ sở tốt cho sản xuất, xây dựng và sinh hoạt của nhân dân, đồng thời là vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, quân sự trong kháng chiến chống Pháp cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và mãi mãi cho sự phát triển sau này.

Nghề chính của nhân dân Trác Văn là sản xuất nông nghiệp. Đến năm 2009, toàn xã có 2120 hộ với 8224 nhân khẩu, có 683,39 ha ruộng đất. Trong tổng số ruộng đất của xã có khoảng một phần ba là ruộng cấy lúa, còn lại là đất trồng màu và vừa cấy mùa vừa trồng màu. Số lớn ruộng đất trong xã là ruộng đất công, phân bố không đều. Trước năm 1945, ở Lạt Hà một suất đình<sup>(4)</sup> được chia 6-7 sào ruộng công, ở Tường Thụy từ 4 sào 8 miếng năm 1941, giảm dần đến 1943 còn 3 sào 2 miếng cho một suất. Ngược lại có những thôn quá ít ruộng như Văn Bút, Lệ Thủy. Ruộng đất đã như vậy nhưng phần lớn- kể cả ruộng tư và đất công- do địa chủ, phú nông, cường hào chiếm giữ. Số địa chủ, cường hào ở Tường Thụy và Hoà Mạc có thế lực khá lớn. Họ không những thống trị nhân dân trong xã mà trong nhiều năm còn nắm vận mệnh của nhân dân hai tổng Chuyên Nghiệp và Trác Bút. Chỉ trong nửa đầu thế kỷ 20, năm khoá chánh tổng và một khoá phó tổng Chuyên Nghiệp do cường hào ở Tường Thụy nắm giữ. Ở tổng Trác Bút quyền hành thường tập trung trong tay một số cường hào ở Hoà Mạc. Số địa chủ trong xã thuộc loại vừa và nhỏ chiếm hữu ruộng đất tư cao nhất là trên 40 mẫu, thấp nhất là trên dưới 10 mẫu. Song vì đại bộ phận là ruộng đất công nên bọn này đã dùng quyền hành và thủ đoạn chia nhau chiếm hữu, sử dụng. Đến 1925 do đấu tranh của nông dân, chế độ cấp công điền mới được thực hiện chia cho dân đình, thì thủ đoạn cắt xén, chiếm hữu đất công, bóc lột, hối lộ... của cường hào cũng biến đổi tinh vi, xảo quyết.

Chúng dựa vào các chế độ ruộng đất của bọn thống trị định ra các loại ruộng: thân từ, phật tự, tư văn, tư vũ, phe giáp, tư dân công ích điền, cừ ngòi, rìa đê... để chia nhau chiếm hữu, sử dụng. Cứ 3 năm một lần chia lại công điền là một lần xáo trộn, bọn cường hào bày cách bót xén lựa chọn ruộng đất tốt và ăn hối lộ: Vào những năm 1940, chỉ trong 6 lần chia lại ruộng công, suất đất chia cho một dân đình Tường Thụy

---

<sup>4</sup>Đình: Nam từ 18 tuổi trở lên;

giảm đi 1/3 so với ban đầu (từ 4 sào 8 còn 3 sào 2). Mỗi kỳ quân cấp chia phần về các phe giáp, bọn cường hào tha hồ lựa chọn phần đất tốt cho gia đình, anh em, con cháu thậm chí cả những phần của canh điền, người ở của chúng cũng đều là đất tốt. Còn nông dân thì phải lo chạy chọt đút lót để được nhận một phần đất khá, kém tùy mức hối lộ ít hay nhiều. Cuối cùng những phần đất xấu bạc mầu là phần của những người lép vế, cùng túng không có tiền hối lộ. Số đông nông dân trong xã là bần nông, sống chủ yếu nhờ vào đất công được chia không thể yên tâm bỏ vốn thâm canh trên mảnh đất họ chỉ được sử dụng 3 năm, sau đó lại bị xáo trộn. Để giữ lấy miếng cơm manh áo, chống lại tệ xáo trộn ruộng đất và ăn hối lộ, họ đã dùng hình thức “bao trại”. Do nhu cầu tự nhiên phải làm thêm nhà ở cho con cái nhiều nơi nông dân cũng bao trại, nhưng đặc biệt ở đây bao trại đã trở thành một phong trào tự phát của nông dân nhằm chống lại tệ hối lộ và xáo trộn ruộng đất công, một hình thức đấu tranh hợp pháp giành giữ lấy mảnh đất được chia để làm ăn sinh sống lâu dài. Nó phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của nông dân nên phát triển rất nhanh. Chỉ trong vài chục năm gần một phần ba diện tích đất công ở Tường Thụy đã biến thành thổ cư. Nhiều khu đất tốt như các khu Cửu Văn, Tư Điền, Học Điền... đã trở thành xóm làng đông vui, không còn dấu vết của một cánh bãi như xưa. Chính nhờ mở trại mà mấy trăm gia đình nông dân nghèo giữ được phần đất công, thâm canh, tăng vụ, mức sống khá dân, nhiều người nhờ đó đã trở thành trung nông và trung nông lớp trên. Phong trào bao trại đã kích động lòng tham của bọn hào lý địa phương, đến những năm 1936 - 1937 trở đi một số hào lý cũng bao trại. Trại của nông dân phổ biến là một suất đất công (trên dưới 4 sào)<sup>5</sup> bọn có thể lục quyền hành trong tay bao rộng ra 2,3 suất, có trại tới 4 suất và toàn là ở những khu đất tốt.

---

<sup>5</sup> Diện tích 1 suất đất công tùy thuộc thời điểm quân cấp 4 sào 6 - 4 sào, 3-4 sào, 8-3 sào 2 v.v.

Việc bao trại này có tác dụng tích cực là tạo điều kiện cho nông dân thâm canh, quay vòng sản xuất nhanh, giành giữ được miếng cơm, manh áo dưới chế độ cũ, song nó cũng để lại khó khăn cho việc quy vùng sản xuất và đưa cơ giới hoá vào nông nghiệp của hợp tác xã sau này.

Trước kia đồng ruộng cả xã chỉ có một cống tiêu nước nhỏ (gọi là cống Tây ở vị trí trạm bơm 7 cửa ngày nay), không có mương máng, công trình thủy lợi. Ruộng đất lại cao thấp không đều nên năng suất lúa khu đồng tốt nhất cũng không vượt được 4 tấn/ha/năm. Loại ruộng cấy 1 vụ chiêm thường chỉ đạt 1 tấn đến 1,5 tấn/ha. Số hộ địa chủ, phú nông chiếm: 4,9% nhưng do thế lực chính trị và kinh tế, chúng đã nắm và thao túng toàn bộ đời sống nhân dân trong xã. Hầu hết nông dân lao động ở Lôi Hà phải làm thuê cho địa chủ ở Hoà Mạc. Nhiều gia đình ở Tường Thụy cả vợ chồng, con cái sống lệ thuộc vào địa chủ. Cuộc sống của trên 95% số dân là bản cổ nông rất chật vật: Ruộng đất và vốn liếng quá ít, nhân dân phải làm thêm nhiều nghề để kiếm sống như: Đan lưới, đánh cá (Tường Thụy) làm gạch ngói thuê ở nơi xa (Lạt Hà), làm bún (Lôi Hà), thợ xẻ, thợ mộc (Vân Bút - Tường Thụy). Ở Hoà Mạc và Tường Thụy có nghề trồng mía lâu đời, một số người khá giả góp trâu, góp vốn mở lò kéo mật, những người nghèo có 1 - 2 sào mía không đủ vốn để thuê chế biến thành mật thường phải bán với giá rẻ. Một số khá đông nhân dân các thôn phải đi tha phương, cầu thực, làm thuê, làm phu mỏ, phu đồn điền... nửa số dân Tường Thụy (Làng) quanh năm đi đánh bắt cá thuê ở các tỉnh xa: số thợ xẻ ở Vân Bút cũng giành hầu hết thời gian vác cửa đi kiếm ăn ở bất cứ nơi nào có việc. Tệ đình đám, lệ gạch, khao vọng nặng nề đã làm cho một số người phải bán nốt 1- 2 sào ruộng hoặc túp nhà tranh và miếng đất thổ cư cuối cùng rồi khoác bị ra đi không hẹn ngày về.

Năm 1943 - 1944, cường hào các thôn đã lừa phỉnh nông dân mua hư danh (các chức vị lý trưởng, phó lý, hương trưởng...).

Để có một chỗ ngồi nơi đình sở, tùy theo chức vị mà nộp tiền và khao vọng. Riêng thôn Lạt Hà với 60 suất đình đã có hàng chục người mua hư danh, khao vọng linh đình. Bọn quan lại, kỳ, lý, tích cực thi hành lệnh của bọn Nhật: Nhằm những gia đình nông dân “lép vế” bắt phá lúa, phá mía trồng đay. Không kể mùa màng tốt xấu, ruộng có cây được hay không chúng cứ tính theo diện tích thu thóc nộp cho Nhật. Dưới nhiều tầng áp bức bóc lột của bọn phát xít, đế quốc, cộng với nạn tô, thuế nặng nề, nạn nợ lãi... cuộc sống của những người lao động xã nhà vốn đã cùng cực càng thêm kiệt quệ. Đó là nguyên nhân dẫn đến nạn đói khủng khiếp đầu năm 1945. Trừ số gia đình địa chủ, phú nông và trung nông khá, còn lại trên 80% tổng số gia đình trong xã đều bị đói. Nhiều gia đình có người chết đói, có gia đình chết gần hết, một số người đói quá bỏ làng đi mất tích<sup>(6)</sup>. Riêng thôn Hoà Mạc có 11 người chết, 8 người đi mất tích và 30 người đi phu, đi tha phương cầu thực. ở Văn Bút, gia đình ông Lương chết 3 người trong một đêm, có gia đình chết 4 người trong năm 1945. Sau khi giành chính quyền cách mạng về tay nhân dân, xã Trác Văn lại tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cấp bách của Đảng để chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm và tiếp tục cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, giành thắng lợi vang dội. Trong hoà bình xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ và nhân dân Trác Văn vẫn phát huy truyền thống anh hùng trong kháng chiến chống Pháp, tích cực xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội và hết lòng tất cả vì tiền tuyến Miền Nam, góp phần đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, đem lại thống nhất cho Tổ quốc. Trong công cuộc thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Trác Văn là một điển hình trong chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu lao động trong sản xuất để đưa năng suất lao động và cuộc sống nhân dân ngày một nâng cao.

---

*(6) Tổng số người chết đói và đi mất tích năm 1945 là 154 người.*



Đình Tường Thủy, nơi tập trung của lực lượng Cách mạng và là Trụ sở của ủy ban Cách mạng  
lâm thời xã Trác Văn năm 1945. Được xếp hạng Di tích lịch sử Văn hóa năm 1988

Năm 2009, Đảng bộ có 456 đảng viên đang sinh hoạt ở 14 chi bộ, có 99,5% đảng viên hàng năm hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Giá trị sản xuất tăng bình quân 14,3% năm, thu nhập bình quân đầu người đạt 6,6 triệu đồng/năm. Sản xuất nông nghiệp đạt kết quả toàn diện, năng suất lúa bình quân 125 tạ/ha. Lương thực bình quân đầu người đạt 509 kg/năm, giá trị sản xuất đạt 63,5 triệu/ha gieo trồng. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ đã thu hút trên 500 lao động tham gia đưa giá trị thu nhập hàng năm đạt 33 tỷ đồng. Trường mầm non, trường tiểu học, trường Trung học cơ sở, trạm y tế xã đều đạt chuẩn quốc gia; 100% hộ dùng điện để sinh hoạt và sản xuất, tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh đạt trên 90%. Đường làng, ngõ xóm được rải nhựa và bê tông hoá. Số hộ giàu và khá ngày càng tăng, số hộ nghèo giảm dần. Nông thôn ngày càng đổi mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.



## CHƯƠNG I

# TIẾP THU ÁNH SÁNG CÁCH MẠNG, THÀNH LẬP CHI BỘ ĐẢNG, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH TIẾN TỚI GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM (1928 – 1945)

### I- Các chi bộ Đảng ra đời và vận động đấu tranh cách mạng (1928- 1939)

Dưới ách áp bức, bóc lột tàn bạo và sự cấu kết của thực dân phong kiến, nhân dân Việt Nam nói chung và nhân dân Trác Văn nói riêng phải chịu cuộc sống lầm than nô lệ. Thế lực cường hào khá mạnh ở 2 thôn Hoà Mạc và Tường Thụy càng làm cho ách áp bức nặng nề thêm. Nông dân trong xã đã liên tục đấu tranh bằng nhiều hình thức: đòi quân cấp công điền, đòi giảm lệ ngạch nặng nề, trốn thuế, mở trại ... nhưng cũng chỉ đạt được những kết quả cải lương không đáng bao nhiêu.

Sau khi tiếp thu ánh sáng của Chủ nghĩa Mác-Lênin qua các sách báo được lãnh tụ Nguyễn ái Quốc truyền bá về nước bằng nhiều cách khác nhau, tháng 6/1925, tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên ra đời phát triển ngày càng rộng. Khi luồng gió cách mạng ấy thổi về, nhân dân Trác Văn vốn sẵn có truyền thống yêu nước, tiếp thu nhanh chóng. Đồng chí Nguyễn Doãn Chấp ( ) là giáo viên dạy ở trường Tường Thụy tư niên học 1927- 1928, vốn là một thanh niên yêu nước, tiên bộ, phản đối chế độ áp bức bóc lột, đồng chí đã từng đấu tranh không chịu luôn cúi bọng quan lại và cường

---

<sup>1</sup> Đồng chí Nguyễn Doãn Chấp (thường gọi là giáo Mã) quê ở Hoàng Giang, Hoàng Hoá, Thanh Hoá;

hào. Năm 1928, đồng chí được đồng chí Đào Gia Lựu (là Ủy viên Ban Chấp hành Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên Nam Định được phân công về xây dựng phong trào ở Hà Nam), tuyên truyền giác ngộ và kết nạp thanh niên vào tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. Đồng chí Chấp được giao nhiệm vụ tuyên truyền, xây dựng tổ chức cơ sở ở địa phương. Cuối 1929, qua giáo dục, thử thách, đồng chí được công nhận chuyển thành đảng viên Đông Dương Cộng sản Đảng<sup>(8)</sup>. Ngay sau khi được kết nạp vào Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đồng chí Chấp được giới thiệu chuyển giao cho đồng chí Nguyễn Hữu Tiến (giáo Hoài) quê ở Lũng Xuyên là người phụ trách phong trào huyện Duy Tiên hồi đó, liên hệ lãnh đạo, kiểm tra và giúp đỡ. Đồng chí Nguyễn Doãn Chấp đã tiến hành việc tuyên truyền giác ngộ những người có tinh thần chống đế quốc, ghét áp bức bóc lột ở Tường Thụy, Hoà Mạc và đã kết nạp một số người vào Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên gồm các đồng chí: Đặng Xuân Tiếp (Tường Thụy), Phạm Văn Tô, Phạm Văn Đoàn (Hoà Mạc) và Nguyễn Văn Quỳnh (Chùa Xá). Đồng thời dựa vào việc giảng văn, dạy sử để cao các anh hùng dân tộc, xen kẽ những bài thơ ca yêu nước (như bài Chiêu hồn nước của Phạm Tất Đắc, quê Dũng Kim, Lý Nhân) tuyên truyền và lựa chọn trong số học sinh lớn tuổi lập tổ đọc sách báo bí mật<sup>(9)</sup>, sử dụng số này làm liên lạc, in tài liệu, truyền đơn... Tài liệu tuyên truyền là báo “Dân cày” khi lập Đảng thì có báo “Búa liềm”, các truyền đơn nói về Quảng Châu công xã, công xã Pari, đôi khi đồng chí nói về cách mạng

---

<sup>8</sup> Tư liệu theo hồi ký của đồng chí Nguyễn Doãn Chấp.

<sup>9</sup> Tổ đọc sách báo bí mật và trong này có một số được sử dụng làm liên lạc, in tài liệu: Tuyệt, Bình, Tín, Tráng (Tường Thụy) Châu, Tâm (Yên Lệnh) Quỳnh, Cao (Chùa Xá) Vân (Lê Thủy) Lùng (Văn Bút) Bá (em đồng chí Chấp...);

tháng 10 Nga, về cảnh tham nhũng đồi bại của quan lại, cường hào, những tệ nạn chúng reo rắc đầu độc nhân dân như cờ bạc, thuốc phiện, rượu cồn...

Cuối tháng 11 - 1929, chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Duy Tiên được thành lập ở trường học thôn Tường Thuy. Đó là một chi bộ ghép có 6 đảng viên: Nguyễn Hữu Tiến, Vũ Uyển (tức Hưng), Nguyễn Văn Trạc, Nguyễn Doãn Cháp, Phạm Văn Tô và Phạm Văn Đoàn. Đồng chí: Lê Công Thanh<sup>10</sup> về dự và công nhận. Tiếp sau đó là ba chi bộ ở ba xã (thuộc xã Trác Văn ngày nay) ra đời vào giữa năm 1930:

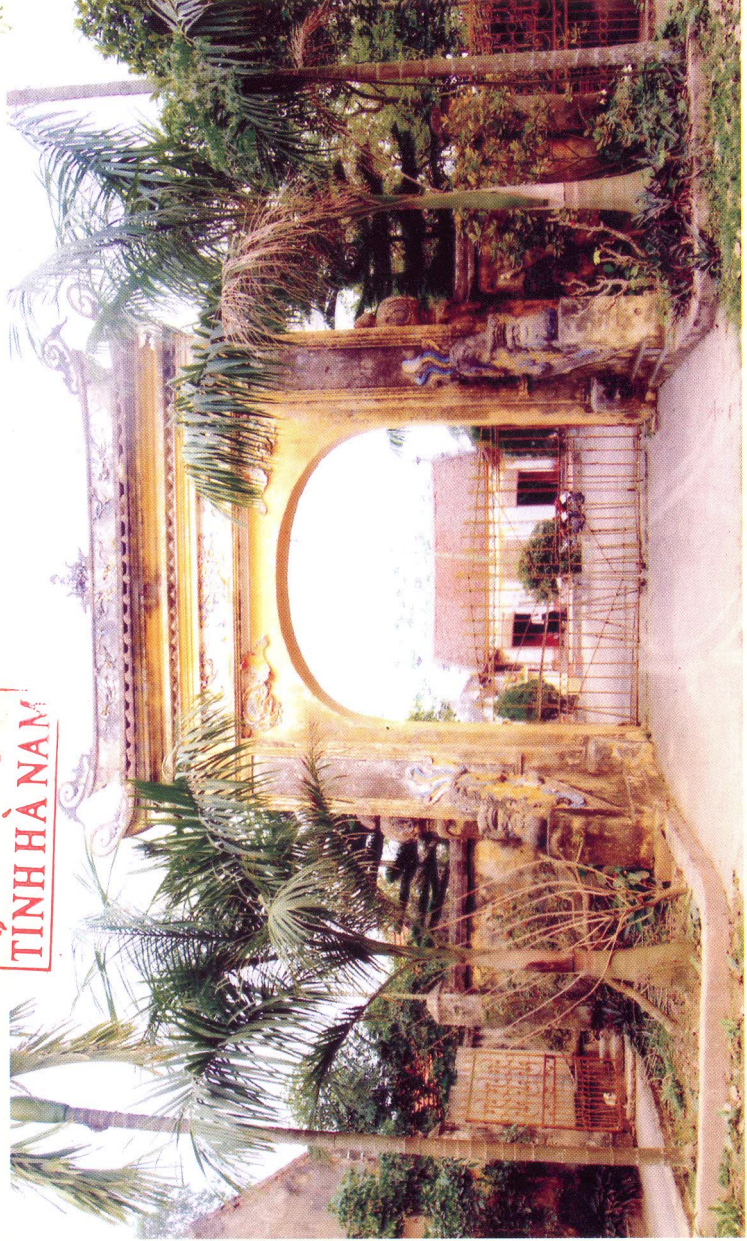
Chi bộ Tường Thuy có 3 đảng viên: Đặng Văn Tuyết, Đặng Xuân Tiếp và Nguyễn Văn Quỳnh do đồng chí Đặng Văn Tuyết làm Bí thư (2 đồng chí Tuyết và Quỳnh là học sinh của đồng chí Cháp); chi bộ Hoà Mạc gồm có 3 đảng viên: Phạm Văn Đoàn, Phạm Văn Tô và Nguyễn Văn Uyển do đồng chí Phạm Văn Đoàn làm Bí thư; Chi bộ Văn Bút có 4 đảng viên: Nguyễn Khắc Khoan, Hà Văn Số, Hoàng Mười và Hà Văn Giản do đồng chí Nguyễn Khắc Khoan là bí thư. Tháng 10- 1930 ban cán sự Đảng huyện Duy Tiên được thành lập gồm 4 đồng chí Nguyễn Hữu Tiến, Nguyễn Doãn Cháp, Đặng Xuân Tiếp và Phạm Văn Tô do đồng chí Nguyễn Hữu Tiến làm bí thư.

Trong 2 năm tiếp thu ánh sáng cách mạng, 3 thôn trong xã đã có chi bộ Đảng, đó là sự kiện lịch sử chẳng những có tác dụng lớn

---

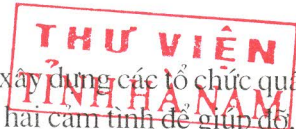
<sup>10</sup> Đồng chí Lê Công Thanh hay phỏ cá (tên thường gọi khi hoạt động ở Duy Tiên), quê ở Làng Mai, xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa tỉnh Thanh Hoá. Hội viên hội Việt Nam cách mạng Thanh niên tỉnh Thanh Hoá. Cuối năm 1929, hoạt động ở Nam Định và được cử về Hà Nam phụ trách việc chuyển tổ chức Việt Nam cách mạng Thanh niên sang Đảng cộng sản. Năm 1930 - 1931, là Bí thư đầu tiên của tỉnh Hà Nam.

**THƯ VIỆN  
TỈNH HÀ NAM**



Miếu Đệ Tứ - nơi thành lập Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện Duy Tiên vào cuối năm 1929

đối với phong trào cách mạng của nhân dân xã nhà mà còn có ý nghĩa đối với Đảng bộ huyện Duy Tiên và Đảng bộ tỉnh Hà Nam. Sự kiện lịch sử này đã tạo ra thuận lợi cho việc thực hiện các chủ trương của Đảng lúc ấy là:



- Tiếp tục tuyên truyền, xây dựng các tổ chức quần chúng cách mạng, mỗi đảng viên phải chọn hai cảm tình để giúp đỡ, điều dắt nhằm phát triển vào tổ chức Đảng; ĐC : 366

- Vận động nhân dân tố cáo các tệ nạn tham nhũng chống các hủ tục trong việc ma chay, cưới xin, tế lễ, đình đám do bọn thống trị bày đặt ra;

- Đòi chia ruộng đất công hợp lý, công bằng hơn.

Trong một thời gian ngắn ở cả 3 xã có chi bộ đều đã tổ chức được các tổ Nông hội đỏ, Công nông tương tế, Xích trợ, Tán trợ... với trên 100 hội viên. Phong trào lên mạnh, sôi nổi lôi cuốn được cả một số hào lý chức dịch tiến bộ tham gia vào các tổ chức Nông hội đỏ và Tán trợ, sách báo, truyền đơn in ở cơ sở Tường Thụy và Lũng Xuyên được bí mật truyền tay đến các đảng viên và hội viên. Nhiều tổ hợp đọc tài liệu báo chí, trao đổi tin tức để nâng cao nhận thức và tinh thần cách mạng. Để hưởng ứng phong trào đấu tranh của Xô Viết Nghệ Tĩnh và nông dân Tiền Hải (Thái Bình) các đảng viên và quần chúng cách mạng đã tham gia rải truyền đơn ở nhiều nơi treo cờ búa liềm ở bến đò Mom (Văn Bút), cây đa chợ Cống (Hoà Mạc), tham gia đông đảo vào cuộc mít tinh ở Chợ Lương. Đặc biệt hầu hết đảng viên và một số đông quần chúng cách mạng của xã đã tham gia cuộc biểu tình tuần hành do đồng chí Nguyễn Hữu Tiến phụ trách, nổ ra ngày 20 tháng 8 âm lịch năm 1930 tại đền Lảnh (xã Mộc Nam, Duy Tiên). Hôm đó là ngày hội hàng năm của đền Lảnh, từ mờ sáng dòng người ở các nơi đổ về đây, số đảng viên và quần chúng của Trác Văn tập trung ở Ba Hàng (trên đường 60) có 3 đảng viên vác cờ

Đảng và biểu ngữ đi đầu, tiếp theo là dòng người tề chỉnh và trật tự tiến về đền Lảnh. Họ vừa đi vừa hô to các khẩu hiệu: “Bãi bỏ sưu cao thuế nặng - ủng hộ phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh và phong trào nông dân Tiền Hải - Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm”... Dân chúng các làng đổ ra xem, nhiều người nhập vào đoàn biểu tình. Được phân công chuẩn bị từ trước, đến nơi tập trung, cán bộ phân phát truyền đơn, hô khẩu hiệu; đồng chí Nguyễn Hữu Tiến lên diễn thuyết với nội dung: Vạch tội ác của bọn đế quốc và tay sai, hô hào ủng hộ phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh... Tên tri huyện Duy Tiên được bọn tay sai báo tin vội đem lính về đàn áp, nhưng khi về đến nơi thì đoàn biểu tình đã giải tán, chúng sợ hãi ra lệnh giải tán luôn cả ngày hội đền Lảnh.

Được phong trào các nơi cổ vũ, chi bộ Văn Bút đã lãnh đạo nông dân đấu tranh đòi bọn hào lý phải trả ra 4 mẫu ruộng công chia cho dân. Các thôn khác trong xã có phong trào đòi giảm, bỏ lệ ngạch đóng góp nặng nề và bắt công. Cuối năm 1930 đồng chí Hà Văn Số ốm chết, chi bộ Văn Bút đã vận động quần chúng đưa đám chôn cất trọng thể, sau đó lợi dụng danh nghĩa Hội Công nông tương tế tổ chức lễ truy điệu tại nhà đồng chí Nguyễn Khắc Khoan có đông đảo đảng viên và quần chúng tham dự. Bài diễn văn do đồng chí Khoan - Bí thư chi bộ đọc nói lên lòng thương cảm đối với người quá cố, hô hào quần chúng đoàn kết đấu tranh chống bọn đế quốc và tay sai để giành lại cơm áo, tự do. Bọn cường hào mật báo cho chánh tổng Nguyễn Đức Chính đem tuần phủ về vây bắt nhưng đảng viên và quần chúng đã giải tán hết. Thời gian này phong trào ở xã phát triển mạnh, truyền đơn được tán phát ở nhiều nơi công cộng, thậm chí bỏ cả vào cổng ngõ nhà lý trưởng, phó lý. Bọn quan lại và Tổng lý vừa lo sợ vừa căm tức, tìm nhiều cách tung tin đe dọa, lung





Đồng Chí Nguyễn Doãn Chấp người tuyên truyền Cách mạng  
và tổ chức 3 Chi bộ Tường Thụy, Văn Bút, Hòa Mạc năm 1930

lạc đảng viên và quần chúng cách mạng, dò tìm hiện tượng hoạt động cách mạng, thấy khả nghi là chúng báo tri huyện đem lính về vây sục, không tìm được gì thì chúng bắt dân ra đình nghe “hiệu dụ” để đe dọa, trấn áp phong trào. Có tên lý trưởng khi gặp anh em thanh niên cách mạng đã trắng trợn đe dọa: “Chúng bay liệu hồn, nếu còn ty toe chúng ông sẽ cho chết cả”. Một số đảng viên và hội viên như đồng chí Nguyễn Doãn Chấp đã bị theo dõi, bọn tay sai đế quốc càng tăng cường rình mò, lùng sục hồng phá cơ sở của ta. Cuối năm 1930 cấp trên điều động đồng chí Chấp sang công tác ở vùng Ý Yên. Sau khi đồng chí bỏ trường trốn đi, Lý trưởng báo cho tri huyện về khám xét lục lợi rất kỹ, nhưng không tìm được tài liệu chứng cứ gì. Sự kiện này đã gây ấn tượng sâu sắc trong nhân dân địa phương, đảng viên và quần chúng trở nên thận trọng hơn, phong trào vẫn được duy trì, vẫn có sự liên lạc bí mật giữa các tổ nông hội, tổ Xích trợ... hội dạy chữ Quốc ngữ vẫn giảng dạy. Song do chưa có nhiều kinh nghiệm về tổ chức và hoạt động bí mật, bọn tay sai địch không gặp khó khăn gì nhiều trong việc nắm danh sách đảng viên và quần chúng cách mạng, nên đến giữa năm 1931 khi Xô Viết Nghệ Tĩnh bị khủng bố ác liệt đã man, thì một loạt cán bộ, đảng viên của Hà Nam bị bắt: Các đồng chí Tiến, Tô (Duy Tiên) và Huân (Kim Bảng) bị bắt ngày 20-4-1931 trong khi đi họp ở Hà Nam. Sau đó số đảng viên và quần chúng cách mạng ở Trác Văn gần 20 người đã bị bắt. Cùng thời gian này đồng chí Nguyễn Doãn Chấp bị địch bắt ở Nam Định, nhiều cán bộ của Đảng ở Bình Lục, Lý Nhân, Thanh Liêm, Kim Bảng, Phủ Lý... sa vào tay bọn đế quốc. Có thể nói cơ sở đảng ở các nơi trong tỉnh đều bị phá vỡ, cán bộ đảng viên bị giam ở các nhà tù Nam Định, Phủ Lý... nhiều đồng chí bị đẩy đi Sơn La, Côn Đảo, một số đảng viên và quần chúng bị giam giữ ngay ở huyện. Trừ đồng chí Tô bị đẩy đi Sơn La, còn lại số đảng viên và quần chúng của Trác



Văn bị giam giữ ở huyện và tỉnh một thời gian không tìm được chứng cứ gì để kết án, dịch buộc phải đưa về quản thúc ở địa phương. Khi bị giam giữ, anh em đều giữ được phẩm chất cách mạng, một số tham gia đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù. Do sự rèn luyện thử thách đối với đảng viên và quần chúng cách mạng chưa được bao nhiêu, trước tình hình chung của thoái trào cách mạng lúc đó, sau khi được tha và bị quản thúc, không có liên lạc với cấp trên...Phần lớn số đảng viên và hội viên có phần cầu an, dao động, có đảng viên bỏ đi làm ăn nơi xa, số đông nằm im, cá biệt có người sa đà vào cảnh chơi bời cờ bạc...nên từ năm 1932 trở đi phong trào đấu tranh cách mạng ở địa phương bị lắng hẳn xuống. Đó cũng là thời kỳ khó khăn chung của cách mạng nước ta.

Trong lúc kẻ thù còn đang mạnh, bọn đế quốc và tay sai đã phá vỡ được các tổ chức cách mạng, song do ảnh hưởng dư âm của phong trào những năm 1929- 1930 in sâu vào tâm trí quần chúng nên ý thức căm thù bọn xâm lược và thống trị không hề suy chuyển, trong thời gian từ 1932 đến tiên khởi nghĩa (1942 - 1943) ở trong xã chỉ còn những tổ chức hợp pháp của quần chúng như: Hộ cấp, phường lưới, hội tương tế...còn hoạt động giúp đỡ nhau trong đời sống. Nông dân vẫn duy trì được ý thức đấu tranh bảo vệ quyền lợi ruộng đất: ở các làng, trong những dịp chia lại công điền đều có sự đấu tranh giữa các phe giáp giành giữ quyền lợi cho con em trong họ chống lại các thế lực cường hào muốn bớt xén, vợ vét quyền lợi về tay chúng. ở Tường Thụy trừ một số giáp như: Chu, Đào, Nguyễn bị cường hào trong họ thao túng, còn lại gần 10 giáp như: Đặng, Trần, Trương, Lê...số ruộng đất công (kể cả phần chung như các phần ruộng phu, giáp, cư ngòi, rìa đê...và phần chia cho dân đinh trong họ) đều được phân chia hoặc đấu giá một cách tương đối công bằng.



Đồng Chí Đặng Xuân Tiếp, đảng viên đầu tiên của xã Trác Văn





Chùa Mom - Văn Bút là nơi treo cờ Búa liềm vào ngày Quốc tế Lao động 1/5/1930

điểm: Trao đổi nêu rõ những bất công của xã hội, lên án bọn cướp nước, bọn quan lại, kỳ lý; muốn có một xã hội tự do, công bằng, bác ái phải làm cách mạng đánh đổ bọn cướp nước và bè lũ tay sai. Tổ thanh niên cứu quốc do đồng chí Chu Mạnh Phồn phụ trách.

Cuối năm 1944, phong trào Việt Minh lên mạnh trong tỉnh. Đồng chí Lê Quang Tuấn được Xứ uỷ cử về phụ trách phong trào cách mạng Hà Nam, đã cùng cán bộ địa phương phục hồi và xây dựng được một số cơ sở cách mạng ở Lý Nhân và chấp nối lại một cơ sở ở thị xã Phủ Lý. Do tình hình thực tế đó mà đồng chí Chu Mạnh Phồn đã liên lạc được với tổ chức Việt Minh ở Nga Khê (Lý Nhân) và có điều kiện hoạt động mạnh hơn cả về nội dung và hình thức, sách báo, truyền đơn đã đưa về Tường Thuy, và tổ chức một cuộc họp ở nhà đồng chí Trương Hồng Bảo để nghe cán bộ cấp trên về truyền đạt tinh thần bản Chỉ thị của Trung ương: “Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, được nghe tình hình thế giới, trong nước và những việc trước mắt cần làm.

Đồng chí Đặng Xuân Tiếp đã phát triển cơ sở Việt Minh xuống Văn Bút, Lệ Thủy và một số nơi khác. Tổ thanh niên cứu quốc ở Tường Thuy thành lập của năm 1944 được phát triển thêm và đã có những hoạt động phong phú hơn như tuyên truyền gây ảnh hưởng của Việt Minh, đọc sách báo, phân rải truyền đơn, dán áp phích, tham gia các cuộc biểu tình thị uy ở chợ Mạc (Lý Nhân) đền Lảnh (Duy Tiên). Tổ chức Việt Minh ở Tường Thuy, Văn Bút đã có ý thức chuẩn bị lực lượng quân chúng sắm vũ khí thô sơ để chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền, ở Tường Thuy đã chuẩn bị cả danh sách người tham gia Uỷ ban cách mạng lâm thời của xã...

Những hoạt động của phong trào Việt Minh ở nhiều nơi trong nước, trong tỉnh và những hoạt động tích cực của Việt Minh ngay ở

địa phương đã tạo nên không khí phấn khởi và niềm tin, niềm hy vọng trong nhân dân ngày càng tăng lên. Thực hiện chủ trương nắm lực lượng thanh niên và vận động quần chúng tham gia cách mạng. Ngay từ đầu năm 1945, tổ Việt Minh ở Tường Thụy đã tuyên truyền, vận động tập hợp đông đảo thanh niên vào một tổ chức hợp pháp lúc đó là “Đoàn thanh niên Phan Anh”. Tới trên 80 đoàn viên, bầu Ban chấp hành<sup>(1)</sup>, có sinh hoạt thường kỳ ở đình Tường Thụy, hàng tháng thu đoàn phí, đọc sách báo tiến bộ, học hát, tham gia luyện tập thể dục thể thao, diễn kịch lấy tiền cứu giúp người nghèo... Dưới sự lãnh đạo của Việt Minh số đông thanh niên Tường Thụy tham gia tổ chức này, hoạt động tích cực rầm rộ, tên tri huyện Duy Tiến hồi đó vốn hách dịch, và bọn hào lý địa phương đều phải kiêng dè. Từ tháng 4 đến trước tổng khởi nghĩa tháng 8/1945, đã tổ chức hoạt động xã hội có hiệu quả:

*Trong việc cứu đói:* Đoàn đã phân công cho đoàn viên phụ trách từng xóm, tìm hiểu tình hình lập danh sách những người đang bị đói, những gia đình còn khả năng một bữa cơm trưa trở nên. Đoàn đã vận động tranh thủ được cả một số kỳ lý đương chức tham gia cùng thanh niên đến từng nhà vận động họ mỗi bữa trưa bớt ra một nắm cơm để cứu giúp những người đang đói. Cứ khoảng 1-2 giờ chiều, toán lạc quyền này đi thu nhận cơm tập trung về đình. Ban cứu đói căn cứ danh sách số người đói và số cơm thu được chia đều phát cho từng người. Tổ Việt Minh dùng danh nghĩa ban cứu đói gặp tên tri huyện Phạm Trung Côn yêu cầu trích thóc ra cứu dân. Y phải chấp nhận và đã cấp cho Tường Thụy 200kg thóc. Tuy mỗi

---

<sup>1</sup> Số thanh niên cứu quốc ban đầu có các đồng chí Phôn, Toàn, Bảo, Tráng, Lữ, Thịnh sau phát triển thêm Ngô, Thi, Chúc và Hạn. Ban Chấp hành: Bí thư **Chư Mạnh Phôn**, phó Bí thư Trương Hồng Báo, Ủy viên Thường vụ Đào Chục.

người đói chỉ được phát một miếng cơm từ 70- 80g song cũng giữ được trên 100 người khỏi bị chết trước khi có thu hoạch đỗ tương xuân và lúa chiêm năm 1945.

*Chống phụ thu lạm thuế:* Trước đây, hàng năm đến vụ thuế bọn cường hào và kỳ lý không hề cho dân biết mức thu trên tỉnh, huyện bỏ về là bao nhiêu. Việc thu thuế ruộng đất, thuế thân, tùy thuộc vào sự gò ép, bóp nặn của lý trưởng và cường hào các giáp, không có mức độ nào. Vụ thuế năm 1945, khi bọn cường hào và kỳ lý họp ở đình, anh em thanh niên nòng cốt là tổ thanh niên cứu quốc- đã được huy động tập trung khá đông đến đưa yêu sách đòi phải công khai niêm yết mức thuế cho dân biết để nộp. Trước lý lẽ đúng đắn và thái độ kiên quyết của anh em, sau một ngày giằng co bàn bạc, họ buộc phải chấp thuận niêm yết ở đình làng mức thuế ruộng, mức thuế thân, cộng thêm một số tiền phụ thu hợp lý. Số đông nhân dân đã buộc lý trưởng phải thu đúng mức thuế niêm yết, có những giáp tập trung lại đi nộp tập thể để có áp lực chống lại sự sách nhiễu của lý trưởng.

Cùng với những hoạt động tích cực có ý nghĩa cấp cứu, thiết thực kể trên, thanh niên còn tổ chức đấu tranh chống bớt xén, chiếm hữu công điền. Năm 1945 có trên 30 suất đất công do những người chết đói và bỏ đi xa để lại, bọn cường hào lại định chia về các giáp để chúng dễ bề chiếm dụng. Biết rõ những thủ đoạn xấu của họ, anh em thanh niên đã chuẩn bị sẵn một số tiền, tập trung ở đình tới hai ngày liền, đưa yêu cầu buộc họ phải cho đấu thầu số ruộng đất đó nhập vào quỹ để dùng vào việc công ích cho dân. ở Văn Bút có phong trào quần chúng đòi chia công điền công bằng hơn, đòi bỏ phụ thu lạm bổ, đòi bán diêm, muối công khai và đúng quy định ở đình làng...

Kết quả thiết thực của những hoạt động kể trên đã gây ấn tượng sâu sắc trong nhân dân, lòng tin và khí thế quần chúng tăng lên rõ rệt. Nhân dân lao động ngày càng tin tưởng vào Việt Minh và

thanh niên, tạo thành khí thế mạnh mẽ, thuận lợi cho việc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa giành lại chính quyền huyện, xã vào tháng 8/1945.

Trước sự chuyển biến mau lẹ của tình hình thế giới, sự sụp đổ hoàn toàn của bọn phát xít là không thể tránh khỏi; Trung ương Đảng và Hồ Chủ tịch đã nắm bắt đúng thời cơ, quyết định phát động toàn dân đứng lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Khẩu hiệu đấu tranh được đề ra lúc này là:

- Phản đối xâm lược;
- Việt Nam hoàn toàn độc lập;
- Đánh đổ chính quyền Nam Triều;
- Chính phủ về tay nhân dân !

Ở Hà Nam, ngày 15 và 16 tháng 8 năm 1945 Ban cán sự tỉnh đã kịp thời mở hội nghị cán bộ toàn tỉnh ở Lũng Xuyên (Duy Tiên) bàn kế hoạch giành chính quyền trong tỉnh. Sau đó ban cán sự huyện cũng họp tại Lũng Xuyên bàn kế hoạch cụ thể giành chính quyền ở huyện Duy Tiên, các đồng chí Đặng Xuân Tiếp và Chu Mạnh Phồn được tham dự hội nghị này. Sau hội nghị, các đại biểu được phân công về tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức Việt Minh và thanh niên các địa phương chuẩn bị vũ khí, cờ, khẩu hiệu, truyền đơn, đồng thời bí mật tổ chức canh gác, đề phòng phần tử tay sai địch khiêu khích, quấy rối. Một không khí sôi sục đã tràn ngập xóm làng.

Sáng 20 - 8 - 1945, theo sự chỉ đạo của Ủy ban quân sự cách mạng huyện, đồng chí Đặng Xuân Tiếp với danh nghĩa Việt Minh, dẫn 7 thanh niên Tường Thụy và một thanh niên Văn Bút cùng với

lực lượng các xã kéo về Diệp Sơn nơi huyện lỵ đóng- cướp chính quyền huyện. Tên Phán Tú là thừa phái quyền tri huyện Duy Tiên lúc đó, đã bị bắt ở Đô Quan khi y đang đi coi đê sông Hồng. Sau vài tiếng đồng hồ, toàn bộ vũ khí, kho tàng, giấy tờ sổ sách, con dấu... của huyện đã nằm gọn trong tay lực lượng cách mạng. Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời huyện ra đời. Sau đó cán bộ của huyện được phân công về các khu vực cùng với các lực lượng nông cốt ở địa phương giành lại chính quyền cấp xã (làng cũ). Trước ảnh hưởng vang dội của cách mạng khắp nơi và khí thế của quần chúng, chính quyền cũ ở các xã đã hoàn toàn tê liệt. Chỉ vài ngày sau khi cướp chính quyền huyện, Tường Thụy rồi lần lượt các xã ở Trác Văn đều tổ chức mít tinh tuyên bố giải tán chính quyền cũ và các Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời ra mắt nhân dân, tuyên bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời ở các xã được thành lập: ở Tường Thụy ông Chu Mạnh Phồn; ở Hoà Mạc ông Phạm Đình Cao; ở Lệ Thủy ông Đỗ Văn Ván; ở Lôi Hà ông Nguyễn Văn Phương; ở Lạt Hà ông Nguyễn Văn Đổ. Việc thu nộp ngân sách, quỹ kết, đồng triện đã được thực hiện nhanh gọn.

Nhân dân các làng, xã thuộc Trác Văn vô cùng phấn khởi; sau hơn 80 năm nô lệ, sống dưới ách áp bức của đế quốc phong kiến, giành được chính quyền trẻ già, trai gái ai cũng thấy sung sướng hồ hởi trước sự đổi đời từ địa vị nô lệ thành người làm chủ đất nước, làm chủ cuộc sống của mình.

Việc nắm và điều hành bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân là vô cùng mới mẻ, nhiều bỡ ngỡ lúng túng. Cách mạng vừa thành công, trật tự an ninh cần được bảo đảm, nhân dân lại vừa trải qua nạn đói khủng khiếp, các cánh đồng lúa đang bị nạn lụt đe



doạ...Giải quyết những vấn đề ấy là vô cùng khó khăn, cấp bách nên Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời các xã phải tập trung làm việc liên tục cả ngày đêm; các đội tự vệ trang bị giáo mác, gậy, tuần tra canh gác chặt chẽ, bảo vệ chính quyền, bảo vệ an ninh. ở các đình làng sau ngày tổng khởi nghĩa, nhân dân nô nức tập trung treo cờ đỏ sao vàng, chiêm ngưỡng ảnh Bác Hồ và nghe chính quyền xã thông báo tình hình, nhiệm vụ; cảnh đình làng nhộn nhịp tung bưng như những ngày hội lớn. Phấn khởi trước thắng lợi, sáng ngày 24 - 8 - 1945 dưới sự chỉ huy của các cán bộ xã gần 300 quân chúng các làng, xã đội ngũ chỉnh tề, trương cờ, khẩu hiệu xuống thị xã Phủ Lý biểu tình góp sức cùng lực lượng quân chúng cách mạng các xã, huyện bạn giành chính quyền cấp tỉnh thắng lợi.

Từ khi có ánh sáng của Đảng, nhân dân đã tiếp thu nhanh chóng và trở thành cái nôi của phong trào cách mạng ở Duy Tiên. Chi bộ Đảng đầu tiên của huyện được thành lập ở trường học Tường Thụy, và chỉ hơn nửa năm sau, ba chi bộ của xã đã ra đời ở ba thôn Tường Thụy, Hoà Mạc, Văn Bút, lãnh đạo nhân dân vùng lên đấu tranh chống đế quốc và tay sai. Sau thời gian bị địch khủng bố, bắt bớ, phong trào tuy có bị lắng xuống, nhưng tinh thần chống đế quốc, chống bọn quan lại, cường hào vẫn âm ỷ, dai dẳng, như than hồng ủ kín trong tro nóng, chỉ chờ có điều kiện và thời cơ là sẽ bùng lên. Nên khi có sự chấp nối với phong trào Việt Minh, cơ sở cách mạng của xã đã phục hồi, phát triển nhanh chóng, đấu tranh mạnh, thu hút số đông thanh niên tham gia. ở Tường Thụy và Văn Bút, dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, quân chúng cách mạng đấu tranh sôi nổi, tích cực đã thu kết quả tốt gây tin tưởng phấn khởi trong nhân dân tạo thành cơ sở vững chắc cho việc giành lại chính quyền huyện, xã tháng 8-1945, mở ra một thời kỳ lịch sử mới cho nhân dân trong xã. Chuẩn bị lực lượng, đánh đổ hoàn toàn thực dân Pháp giải phóng hoàn toàn quê hương.

## CHƯƠNG II

### ĐẤU TRANH GIỮ VỮNG THÀNH QUẢ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ TIẾN HÀNH KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945- 1954)

#### I- Củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng các tổ chức quản chúng, xây dựng các tổ chức Đảng, phát triển lực lượng dân quân du kích chuẩn bị kháng chiến (22-8-1945 - 11-3-1947)

Giành được chính quyền từ tay bọn phát xít Nhật- Pháp là việc hết sức khó khăn gian khổ, song giữ vững và củng cố được chính quyền càng khó khăn, phức tạp hơn. Vừa hoàn thành việc giành chính quyền trong cả nước chưa được bao lâu thì ở miền Bắc, quân Tưởng Giới Thạch với danh nghĩa Đồng minh kéo vào tước vũ khí quân đội Nhật, chúng kéo theo một lũ tay sai phản động với âm mưu bóp chết chính quyền cách mạng, lập chính quyền tay sai. Ở miền Nam, bọn thực dân Pháp bám theo gót quân đội Anh (quân Anh cũng là quân Đồng minh vào giải giáp quân Nhật ở phía Nam nước ta) và gây hấn ngay từ cuối tháng 9-1945. Chính quyền non trẻ của ta vừa ra đời đã phải đối phó với chiến tranh xâm lược ở Nam Bộ và sự thúc ép, sách nhiễu của quân Tưởng, cùng sự quấy phá, khiêu khích của các đảng phái phản động ở ngay Hà Nội và một số tỉnh miền Bắc. Nạn đói chưa khắc phục xong lại tiếp ngay nạn lụt, nhiều nơi đê vỡ, mùa màng, nhà cửa bị thiệt hại nặng nề. Tình hình ấy đã đặt chính quyền cách mạng vào thế “ngàn cân treo sợi tóc”. ở Hà Nam, đê bắc Châu Giang bị vỡ; nước lụt từ Hà Đông tràn xuống Duy Tiên, Kim Bảng gây thiệt hại nặng nề. Trong khi đó, một bộ phận quân Tưởng kéo về đóng ở thị xã Phủ Lý, các đảng phái phản động góc đầu dây hoạt động hòng tranh chấp chính quyền với Việt Minh.

Nhân dân xã Trác Văn tuy không phải trực tiếp đối phó với quân Tưởng và các đảng phái phản động, nhưng nước lụt từ Phú Xuyên (Hà Đông) tràn qua miền bắc huyện đe dọa nghiêm trọng các cánh đồng lúa trong xã. Ủy ban cách mạng lâm thời đã ra sức huy động toàn dân chống lụt, không kể ngày đêm, coi bờ ngăn giữ những chỗ nước tràn, bảo vệ đồng lúa của nhân dân.

Cuối tháng 11-1945, Trung ương Đảng ra chỉ thị kháng chiến kiến quốc, với nhiệm vụ: Củng cố chính quyền chống xâm lược Pháp, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân, khẩu hiệu lúc này là “Tổ quốc trên hết - Dân tộc trên hết”. Việc lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ khẩn cấp nói trên đều do các Ủy ban cách mạng lâm thời đảm nhiệm dưới sự chỉ đạo của các phái viên huyện bộ Việt Minh và sự đôn đốc tích cực của số anh em Việt Minh ở các thôn. Trong những buổi đầu của chính quyền cách mạng, công việc rất bề bộn khẩn trương. Tuy anh em có mắc một vài thiếu sót như trong việc tuân tra đã bắt một số nông dân vì đói, trộm cắp bắp ngô, củ khoai, cây mía... về cùm ở sân đình, nhưng nhìn chung mọi chủ trương công việc do cấp trên giao về đều được thi hành nghiêm chỉnh và đạt kết quả.

Ngày 6-1-1946, lần đầu tiên trong đời người dân lao động Trác Văn được đi bỏ phiếu bầu cử Quốc hội của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh tháng 02/1946. Việc thực hiện quyền ứng cử, bầu cử mới mẻ bỡ ngỡ; nhưng do được tuyên truyền, vận động kỹ càng của Ủy ban cách mạng lâm thời nên đã gây được không khí tung bừng phấn khởi khắp thôn, xóm. Cũng trong dịp này cấp trên chủ trương hợp nhất các xã thành liên xã để thuận lợi cho việc xây dựng phong trào, bầu cử Hội đồng nhân dân và chính quyền cấp xã: Tường Thụy và Quan Phó hợp thành xã

Thuy Phó; Văn Bút, Lệ Thuý, Lạt Hà hợp thành xã Văn Lệ Hà; Các thôn Hoà Mạc, Văn Hà, Lôi Hà hợp thành xã Mạc Văn Hà. Quyền tự do ứng cử và bầu cử được thực hiện ngay ở xã. Người dân biết rất rõ những ứng cử viên của mình và chọn bầu cử những người mình tin cậy. Vì vậy đại đa số đại biểu trúng cử ở Hội đồng nhân dân 3 xã đều là thanh niên hăng hái, một số là hào lý cũ và trí thức tiến bộ, Hội đồng nhân dân bầu ra Uỷ ban hành chính xã điều hành công việc hàng ngày <sup>(12)</sup>. Để giải quyết toàn diện các mặt công tác. Hội đồng nhân dân và Uỷ ban hành chính còn chọn cử ra các ban chuyên môn như: Ban tuyên truyền, Ban bình dân học vụ, Ban địa chính, Ban tự vệ... Chính quyền xã tập trung tổ chức việc thực hiện ba nhiệm vụ cấp bách: Diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm...

Nhờ làm tốt việc huy động toàn dân chống lụt nên nhân dân trong xã đã cứu được hầu hết các cánh đồng lúa vụ mùa năm 1945. Để chống giặc đói, thực hiện khẩu hiệu “Tắc đất tấc vàng” của Hồ Chủ tịch, các thôn đều phát động nhân dân trồng, cấy hết diện tích đồng thời tận dụng gò đồng, vườn tược, rìa đê...trồng cây lương thực và cây thực phẩm. Đoàn thể và chính quyền vận động nhân dân cứ 10 ngày mỗi người nhịn ăn một bữa và hàng ngày mỗi lần nấu cơm bớt ra một nắm gạo cho vào hũ (gọi là hũ gạo cứu đói) và lạc quyền những gia đình khá giả ủng hộ thêm. Tất cả số gạo này tập trung để cứu giúp những người đang đói. Uỷ ban hành chính tuyên bố xoá bỏ thuế thân và các thứ tạp dịch do chế độ cũ để lại, thu toàn bộ số ruộng đất công do cường hào bớt xén, chiếm hữu (như rìa đê cừ, ngòi, tư văn, thần từ, phật tự...) đấu cố lấy tiền xung quỹ. Việc chia lại ruộng đất công cho cả nam nữ bình đẳng - được thi hành ở

---

<sup>12</sup> Chủ tịch UBHC: Xã Thuy Phó: Ông Đặng Văn Cát, xã Mạc Văn Hà ông Phạm Đình Lữ; xã Văn Lệ Hà ông Đỗ Văn Vấn.

Tường Thụy ngay trong năm 1946 và ở Hoà Mạc năm 1947 sau đó là các thôn khác. Một khó khăn lớn nảy sinh: Hầu hết số nữ thanh niên không có giấy khai sinh (cơ sở pháp lý để nhận phần ruộng đất công), nhân dân dồn dập khiếu nại, kê khai cho con em mình được chia ruộng. Hội đồng nhân dân đã phải cử ra một đoàn đại biểu cùng với Ủy ban hành chính xã lo kiểm tra, xác định cho từng người để khỏi bị thiệt thòi.

Những chủ trương, biện pháp tích cực về ruộng đất, sản xuất, cứu đói, bãi bỏ thuế thân, tạp dịch... tác động rất mạnh đến tinh thần, tình cảm của nông dân, mọi người phấn khởi, tin tưởng, gắn bó với chính quyền cách mạng, hăng hái sản xuất.

Các đợt vận động “Tuần lễ vàng”, “Quý Độc lập”, “Công phiếu kháng chiến”, “Đảm phụ quốc phòng” và ủng hộ Nam Bộ kháng chiến đều được thi hành tích cực, nhân dân tích cực tham gia đóng góp. Thôn Tường Thụy chỉ giữ lại một số quả chuông ở đình chùa còn hầu hết các chuông, khánh, đồ thờ bằng đồng ở các miếu và nhà thờ họ đều đem ủng hộ cho kháng chiến. Nhân dân thì quyên góp nôi, sanh, mâm, chậu bằng đồng để đúc đạn, tổng cộng tới gần 1 tấn đồng các loại.

Cuộc vận động “Diệt dốt” được tiến hành sớm và khá công phu. ở Tường Thụy, ngay sau tổng khởi nghĩa, cán bộ bình dân học vụ đã tranh thủ lôi kéo thêm cả một số người có uy tín đến từng gia đình vận động người đi học. Những học viên đầu tiên là lớp tuổi thanh niên và trung niên (phần đông là nữ). Từ một lớp phát triển thành bốn lớp với trên 210 học viên có những ông bà già 60-70 tuổi cũng cấp sách đi học. Anh chị em giáo viên có thái độ đúng đắn và nhiệt tình, tự nguyện giảng dạy không có thù lao, nhân dân tin tưởng và tham gia ngày càng đông. Kết quả chỉ vài ba tháng sau, số lớn học viên đã tự tay viết được lá phiếu bầu những đại biểu do mình tín nhiệm. Chịu ảnh hưởng của phong trào chung, từ cuối năm 1946 trở đi các thôn khác cũng có phong trào chống nạn mù chữ rộng khắp.

Cuộc vận động xây dựng “Đời sống mới” cũng được song song tiến hành, có kết quả. Các hủ tục mê tín dị đoan như vàng mã, đồng bóng bị xoá bỏ; ma chay, cưới xin được chính quyền và Đoàn Thanh niên cứu quốc đứng ra tổ chức đơn giản, lành mạnh, không thách cưới, không ăn uống lãng phí; nhiều đám cưới được tổ chức ở đình làng theo nếp sống mới rất đông vui. Để động viên thúc đẩy phong trào “Diệt dốt” và “Đời sống mới” đầu năm 1946, ban bình dân học vụ và ban tuyên truyền ở Tường Thụy in tờ báo “Làng Mới” bằng giấy dày, khổ 30 x 50, 8 viết tay rất công phu. Báo ra mỗi tháng một kỳ, 2 số<sup>(13)</sup>. Anh em còn tự biên tự diễn một số vở kịch để tuyên truyền cổ vũ phong trào (như vở Chân giá trị, Cò Tú...). Do điều kiện thay đổi nhiều cán bộ và công tác dồn dập nên tờ báo chỉ phát hành được thời gian ngắn (khoảng 7- 8 kỳ), nhưng đã có tác dụng động viên nhân dân ủng hộ kháng chiến và tham gia phong trào “Diệt dốt” và xây dựng “Đời sống mới”. Khoảng giữa năm 1947 (sau khi Pháp tràn qua đốt phá), dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, anh em thanh niên ở địa phương cho ra đời tờ báo tường mang tên “Quyết tiến” với nội dung tuyên truyền rộng hơn.

Trong khi nhiều nơi trong nước có đấu tranh võ trang (như Nam Bộ- Hải Phòng) thì Trác Văn vẫn còn là hậu phương, an ninh trật tự được ổn định. Tuy vậy việc chuẩn bị chống ngoại xâm vẫn được chỉ đạo tích cực như việc xây dựng phát triển lực lượng tự vệ chiến đấu. Từ các tổ tự vệ ít ỏi sau Tổng khởi nghĩa, các thôn đều lựa chọn số thanh niên tích cực, khoẻ mạnh, xung phong vào các đội tự vệ chiến đấu, thường xuyên tổ chức học tập chính trị và quân sự (chủ yếu

---

<sup>13</sup> Tờ báo do ông Đào Văn Tập làm chủ bút, các ông Đào Chục, Trương Văn Tín làm nhiệm vụ viết bài:

các động tác nghiêm, nghỉ, di, đứng, lăn, lê, bò và cách đánh bằng gậy, dao, kiếm, ném lựu đạn vv...). Vũ khí toàn xã thời gian này mới có 3 khẩu súng trường nên phải tích cực vận động sắm vũ khí thô sơ; mỗi đội viên phải có một mã tấu, kiếm hoặc gậy. Nhiệm vụ trước mắt là giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ tính mạng, tài sản của nhân dân, bảo vệ chính quyền cách mạng. Có nơi như Tường Thụy đã trích một số ruộng cho anh em tăng gia, gây quỹ, và cứ buổi tối anh em tập trung lại phân công tuần tra, canh gác, luyện tập. Phong trào quân sự hoá đã lôi cuốn được cả một số người già khoẻ mạnh tham gia luyện tập và đã trở thành tiền thân cho đội Bạch đầu quân sau này.

Ngay từ cuối 1945, đầu năm 1946 địa phương đã có 7 anh em thanh niên tự nguyện gia nhập Vệ quốc đoàn. Trong số này, 2 người đã hy sinh, 2 người vì sức khoẻ phải chuyển, 3 người còn lại phục vụ trong quân đội cho đến tuổi nghỉ hưu<sup>(14)</sup>.

Cuối tháng 11-1946 thi hành chủ trương của Tỉnh uỷ Hà Nam chuẩn bị đối phó với chiến tranh xâm lược, các xã đều thành lập Uỷ ban bảo vệ (sau này đổi thành Uỷ ban kháng chiến) tách khỏi Uỷ ban hành chính, chuyên lo việc chuẩn bị đối phó với chiến tranh xâm lược như: Huy động nhân dân rào làng, đắp ụ, đào hầm hố, chuẩn bị cho dân tản cư khi có giặc đến, kiểm tra đôn đốc việc tuần tra, canh gác... Đến giữa năm 1947, theo chủ trương chung, Uỷ ban bảo vệ thống nhất với Uỷ ban hành chính thành Uỷ ban kháng chiến hành chính xã.

---

<sup>14</sup> 2 hy sinh là Đặng Văn Thí và Đào Kim Anh, 3 còn trong quân đội là: Nguyễn Ngô, Đặng Văn Khiêm và Chu Thanh, 2 chuyển công tác là Chu Đình Thịnh và Trương Văn Lũy.

Trước sự tiến triển mau lẹ của tình hình cách mạng đòi hỏi cấp bách sự lãnh đạo của Đảng cả ở tỉnh, huyện và cơ sở. Tỉnh uỷ chủ trương “Xích hoá cán bộ” (nghĩa là nhanh chóng xem xét kết nạp các cán bộ Việt Minh vào Đảng) thành lập Ban Huyện uỷ và phân công đi phát triển các tổ chức Đảng ở các xã để mau chóng thành hạt nhân lãnh đạo phong trào cách mạng ở địa phương, đồng chí Đặng Xuân Tiếp và Chu Mạnh Phôn đã được kết nạp vào Đảng từ cuối năm 1945 đến giữa 1946 hai đồng chí được Huyện uỷ phân công về tuyên truyền giác ngộ số hội viên cứu quốc và thanh niên ở khu vực Chuyên Nghiệp, Trác Bút. Tháng 10- 1946, năm thanh niên cứu quốc ở Tường Thụy được kết nạp và lập thành chi bộ Thụy Phố do đồng chí Trương Hồng Bảo làm bí thư <sup>(15)</sup>. Cuối tháng 11-1946 đồng chí Bùi Khiết, Tỉnh uỷ viên phụ trách Duy Tiên về họp; chi bộ đã kết nạp thêm 2 đồng chí đảng viên mới thành một chi bộ 7 đảng viên và phân công thêm phó Bí thư chi bộ.

Tháng 2- 1947 chi bộ Mạc Văn Hà được thành lập gồm 10 đảng viên (có 1 nữ). Đồng chí Vũ Văn Thịnh được cử làm Bí thư và Vũ Văn Dịch là phó Bí thư <sup>(16)</sup> ở Văn Lệ Hà đến cuối năm 1947 sau khi hợp nhất với Mạc Văn Hà thành xã Trác Văn- chi bộ mới do đồng chí Nguyễn Văn Túc làm Bí thư tiếp tục phát triển đảng viên mới vào các thôn Văn Bút, Lệ Thủy, Lạt Hà. Như vậy đến đầu năm 1947, hai chi bộ Mạc Văn Hà và Văn Lệ Hà có 17 đảng viên nhưng năm 1947- 1948 phát triển khá nhanh và ngày càng được củng cố vững mạnh, các đoàn thể cứu quốc đã được mở rộng, toàn dân trong

---

<sup>15</sup> 5 đảng viên Thụy Phố là: Trương Hồng Bảo, Trương Văn Tráng, Trương Văn Lữ, Chu Đình Thịnh và Chu Tử Toán. Hai đảng viên kết nạp tháng 11/1946 ở Thụy Phố là Đào Chục và Trương Văn tín. Phó Bí thư mới được phân công là đồng chí Đào Chục;

<sup>16</sup> 10 đảng viên ở Mạc Văn Hà: Thịnh, Dịch (tức Dụng), Duy, Cầu, Bào, Đăn, Chi, Đường, Trúc và Liễu (nữ).



xã đoàn kết xung quanh hai chi bộ Đảng phấn khởi hăng hái ủng hộ chính quyền cách mạng.

Ở Tường Thụy ngay sau khi lập xong chính quyền cách mạng, đoàn thanh niên được thành lập đầu năm 1945 chuyển thành đoàn thanh niên cứu quốc, bầu lại Ban chấp hành và đi vào hoạt động tích cực, trở thành lực lượng xung kích trong mọi phong trào của xã, đội thiếu niên nhi đồng cứu quốc cũng được tập hợp sớm, các em hàng ngày tập trung học tập ca hát. Ủy ban cách mạng lâm thời đã cấp tiền mua trống ếch cho đội, các em rất hào hứng phấn khởi tham gia vào các cuộc cổ động cho các ngày kỷ niệm như 19/8, 2/9 và các cuộc bầu cử. Đồng thời việc vận động chị em phụ nữ các thôn lập Hội Phụ nữ cứu quốc, tăng lớp trung niên vào Hội Nông dân cứu quốc và Hội Phụ lão cứu quốc. Đặc biệt ở các lớp bình dân học vụ anh chị em giáo viên không những chỉ dạy chữ mà còn dành những buổi sinh hoạt tập thể, lớp tuyên truyền vận động chị em vào Phụ nữ cứu quốc và những anh em đứng tuổi vào Nông dân cứu quốc, nên chỉ trong một thời gian, các đoàn thể cứu quốc tập hợp đội viên ngày càng đông làm nòng cốt cho các cuộc vận động như : Mùa đông binh sỹ, ủng hộ Nam Bộ kháng chiến, thực hiện đời sống mới vv... Hai xã Mạc Văn Hà và Văn Lệ Hà tuy có chậm hơn nhưng đến cuối năm 1946, đầu 1947, các tổ chức quần chúng cứu quốc cũng được thành lập và đi vào hoạt động. Mặt trận Việt Minh không còn là một tổ chức ít người mà gồm đủ thành phần các đoàn thể cứu quốc. Mỗi xã đều có chủ nhiệm, phó chủ nhiệm và các uỷ viên là đại diện các đoàn thể tham gia, mọi cuộc vận động như sản xuất, chống đói, diệt dốt, tuần lễ vàng, công phiếu kháng chiến, ủng hộ Nam Bộ kháng chiến vv... đều dựa vào hoạt

động của Mặt trận và các đoàn thể cứu quốc. Nhờ vậy mọi chủ trương chính sách của cách mạng được phổ biến đến từng hộ gia đình. Tiếng trống ếch và những bài đồng ca cách mạng của đội thiếu niên nhi đồng thường xuyên cổ động tạo không khí rộn ràng khắp xóm thôn. Mặt trận và các đoàn thể cứu quốc bước đầu được củng cố, được giáo dục về đường lối kháng chiến trường kỳ, toàn dân, toàn diện, đã đoàn kết xung quanh chỉ bộ Đảng, ủng hộ chính quyền giải quyết nhiều khó khăn; đẩy lùi nạn trộm cắp, mê tín, dị đoan, đẩy lùi nạn đói, bước đầu thực hiện nếp sống mới và xoá nạn mù chữ, chuẩn bị tinh thần khắc phục những khó khăn trong tình hình mới.

Do sự lãnh đạo tài tình của Đảng và Hồ Chủ tịch, nhân dân ta đã vượt qua thời kỳ sóng gió nhất trong buổi đầu của chính quyền cách mạng. Bọn Tàu Tưởng phải rút về nước, các đảng phái phản động tay sai của chúng mất chỗ dựa, tan vỡ, số lớn bỏ chạy theo địch. Để có được kết quả đó, trong đấu tranh ngoại giao, Đảng ta hết sức mềm dẻo, đã nhân nhượng (về sách lược), ký với Pháp hiệp định sơ bộ 6/3/1946 và tạm ước 14/9/1946 để kéo dài thêm thời gian chuẩn bị lực lượng, mặt khác cho thế giới thấy rõ thiện chí hoà bình của Chính phủ ta. Nhưng thực dân Pháp đã phản bội hiệp định trên, chúng khiêu khích, gây hấn, gửi tối hậu thư đòi kiểm soát Thủ đô, đòi giải giáp quân đội ta... buộc nhân dân ta phải cầm súng chiến đấu bảo vệ độc lập tự do của dân tộc. Đêm 19/12/1946, tiếng súng đầu tiên đã nổ ra ở Thủ đô Hà Nội, tiếp đó là nhiều nơi trong nước - cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu. Ngày 19/12/1946, Hồ Chủ tịch ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến: “Hỡi đồng bào cả nước! Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta đã nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa. Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ...”.

Hưởng ứng lời kêu gọi thiêng liêng của Hồ Chủ tịch, thi hành các nghị quyết, chỉ thị của cấp trên về kháng chiến, kiến quốc nhiệm vụ cấp bách của các chi bộ và nhân dân Trác Văn thời kỳ này là:

1- Tăng cường củng cố bộ máy chính quyền thời chiến, mở rộng Mặt trận Dân tộc Thống nhất, đoàn kết toàn dân đẩy mạnh công cuộc kháng chiến, kiến quốc;

2- Tăng cường xây dựng lực lượng võ trang, bán võ trang, tích cực rào làng chiến đấu;

3- Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, nâng cao đời sống nhân dân;

4- Ra sức chống nạn mù chữ, xây dựng đời sống mới;

5- Coi trọng phát triển, củng cố Đảng, tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng cho mọi đảng viên nhận rõ tình hình và nhiệm vụ cấp bách trước mắt, làm cho tổ tổ chức cơ sở Đảng thành hạt nhân vững chắc lãnh đạo phong trào.

Dưới sự lãnh đạo của các chi bộ, một phong trào thi đua sôi nổi được phát động nhằm phát triển Đảng, phát triển củng cố các tổ chức quần chúng cứu quốc và lực lượng võ trang diễn ra trong toàn xã. Các Ban chi uỷ rất chú trọng đến việc lựa chọn những người giác ngộ trong các đoàn thể cứu quốc để kết nạp vào Đảng. Các đoàn thể quần chúng được phát triển, tăng cường sinh hoạt, giáo dục tình hình nhiệm vụ trước mắt, nâng cao thêm hiểu biết về cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ của dân tộc.

Đầu tháng 3-1947, sau khi phá được vòng vây ở Thủ đô Hà Nội, giặc Pháp dùng 120 xe cơ giới với 1.500 quân theo đê hữu ngạn sông Hồng đi Nam Định giải vây và tiếp tế cho quân của chúng đang bị vây hãm trong thành phố. Ngày 9/3/1947, một bộ phận quân Pháp đóng lại ở chợ Yên Lệnh, một cánh quân tràn qua đê phía đông thôn Tường Thụy đã vấp phải ụ đất đắp trên đê và tiếng

súng chống giặc đầu tiên từ Tường Thụy phát ra, chúng chững lại, bắn như vãi đạn vào làng. Chiều 11/3/1947 (19-2 âm lịch), giặc kéo xuống bao vây làng Tường Thụy, đốt phá hầu hết nhà cửa (chỉ còn lại những nhà lợp ngói), vợ vét của cải, giết và bắt đi một số người... làm phu phục dịch củng cố chỗ đóng quân cho chúng. 10 ngày sau, với 2 tiểu đoàn và 300 xe từ Hà Nội xuống, từ Hưng Yên sang đóng tiếp ở chợ Yên Lệnh, giặc hành quân sâu vào nội địa Hà Nam phía tây xã Trác Văn và nửa tháng sau chúng mới rút khỏi chợ Yên Lệnh.

Sau khi giặc rút khỏi chợ Yên Lệnh, mọi sinh hoạt của chi bộ, chính quyền, đoàn thể nhân dân và nhất là lực lượng dân quân du kích trong xã trước hết là ở thôn Tường Thụy phải thay đổi cho phù hợp với tình hình mới. Trung bình mỗi tháng một lần giặc hành quân tiếp tế cho Nam Định kéo qua đê vấp súng, mìn của bộ đội và du kích ta là chúng tràn vào làng đốt phá, giết chóc nhân dân rất dã man. Qua thử thách ban đầu trong chiến tranh, bộ máy chính quyền xã đã có những sự đổi thay. Một số thành viên hoang mang, có người bỏ nhiệm vụ đi tản cư, chi bộ đã nhanh chóng chỉnh đốn lại, đưa những đảng viên và quân chúng có tinh thần bám đất bám dân vào thay thế. Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã lần thứ hai năm 1947 đã chọn lọc những người xứng đáng vào Ủy ban hành chính, sau đó, thi hành chủ trương chung, xã đã thống nhất bộ máy kháng chiến với Ủy ban hành chính thành Ủy ban kháng chiến hành chính để có đủ điều kiện chỉ đạo mọi mặt công tác trong xã. Các ban chuyên môn của Ủy ban kháng chiến hành chính cũng được củng cố, tăng cường thêm cán bộ<sup>(17)</sup> chỉ uỷ cử người sang phụ trách quân sự, chọn những đảng viên và đội viên có tinh thần và khả năng chiến đấu bổ sung vào xã đội, thôn đội và các tổ du kích.

---

<sup>17</sup> Các Ban chuyên môn gồm Bình dân học vụ, Ban thông tin tuyên truyền, ban Địa chính...

Do việc tuyên truyền giáo dục và chuẩn bị cho nhân dân di tản cư được chuẩn bị chu đáo, nên ngay từ đầu bị giặc tràn vào đốt phá, đại bộ phận nhân dân đã tản cư vào vùng giữa huyện an toàn. Chi bộ, chính quyền xã đã huy động lực lượng dân quân du kích đào hố hoá mai ở đường số 1, đường 60, đào hố cá nhân trên đê sông Hồng, đào giao thông hào trong làng và dọc đường từ xóm Dinh tới thôn Văn Bút để bộ đội và du kích có điều kiện ẩn nấp và vận động trong chiến đấu chống giặc. Sự lúng túng, bỡ ngỡ trong việc đối phó với giặc qua mấy cuộc đụng độ đã được tỉnh, huyện, xã tổ chức rút kinh nghiệm: Hệ thống báo động dây chuyền được huyện chỉ đạo tổ chức chặt chẽ, nhanh chóng cùng với nếp sống quân sự hoá cho toàn dân nhất là vùng ven đê sông Hồng. Về sau, khi giặc hành quân đến Mộc Bắc (đầu huyện) thì ở 2 xã Chuyên Ngoại, Trác Văn đều được báo động, nhân dân đủ thời gian lánh giặc, bộ đội và du kích kịp bố trí phục kích, gài mìn, đánh tủa, ngăn bước tiến của giặc, bảo vệ nhân dân. Suốt từ tháng 3-1947 đến giữa 1950 trừ thôn Tường Thụy, các thôn khác của Trác Văn cơ bản vẫn sống yên ổn, không có đụng độ trực tiếp với giặc. Riêng Tường Thụy (làng) nơi thường bị giặc càn quét đốt phá, chi bộ và chính quyền đã vận động nhân dân góp tre gai, cử dân quân du kích rào làng chiến đấu, bịt các lối đi chính, làm 2 cổng lớn vững chắc ở đầu và cuối thôn, trong làng cũng ngăn nhiều chỗ làm các cổng phụ, mở các lối đi tắt xuyên qua vườn của nhân dân. Nhờ vậy, bộ đội, du kích và nhân dân đi lại vẫn dễ dàng, lại có điều kiện cảnh giác, diệt địch, bảo vệ lực lượng ta. Đối với giặc vào làng khó khăn, vào được làng rồi thì lúng túng dễ bị đánh, khó thoát thân. Từ kinh nghiệm ấy, sau này khi tình hình căng thẳng, một số thôn khác cũng áp dụng rào làng, hạn chế hành động của địch. Đầu tháng 4/1947, nhân dân hồi cư, dựng tạm lại nhà ở, phục hồi sản xuất. Theo chủ trương của chi bộ, các đoàn thể cứu quốc tiếp tục sinh hoạt phổ biến tình hình nhiệm vụ mới, vận động quần chúng đi vào nếp sống quân sự hoá thường xuyên, chôn dấu thóc lúa, của cải một số nhà to có giá trị được vận động rờ ra

ngâm giấu ở ao để phòng địch đốt phá. Từ đó khi có báo động nhân dân sơ tán nhanh chóng, bộ đội và du kích có điều kiện đánh giặc. Giặc đi qua, nhân dân lại trở về sản xuất. Ngay sau khi dân hồi cư, chi bộ, chính quyền xã đã tổ chức lễ truy điệu những người bị giặc giết hại, vạch rõ âm mưu, tội ác của kẻ thù, kêu gọi nhân dân trong xã quyết tâm kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn.

Một số hoạt động xã hội được chi bộ tập trung chỉ đạo để tạo điều kiện cho việc tăng cường sức mạnh cho chiến đấu:

Việc cấp công điền cho cả nam, nữ công bằng, hợp lý được tiếp tục thực hiện ở các thôn; các thứ ruộng nho giáp, vắng chủ, đình chùa, tư văn... được tạm chia cho dân cày nghèo để sản xuất. Những gia đình có con em đi bộ đội được ưu tiên phần ruộng đất tốt. Các khẩu hiệu “Thực túc binh cường”, “Tích cực sản xuất để tự túc tự cấp”... thường xuyên được quán triệt trong nhân dân. Khi có chỉ thị của cấp trên, chính quyền đã công bố chính sách giảm tô 25%, hoãn, xoá nợ lãi và vận động một số gia đình hữu sản hiến ruộng để chia thêm cho dân cày nghèo. Với khẩu hiệu: “Thực hiện đời sống mới là yêu nước”, “Diệt giặc đốt như diệt giặc ngoại xâm”, các lớp bình dân học vụ được phục hồi và phát triển thêm, thôn nào cũng có lớp học. Đêm đêm, đến giờ tan học đèn trong các xóm ngõ sáng rực. Trong những dịp kỷ niệm, các cuộc tuần hành mang mô hình quyền vỡ, cái bút (To như chiếc đòn cày)... Học viên hàng ngũ chỉnh tề, đốt đuốc đi quanh làng hô khẩu hiệu: “Đi học là yêu Nước”, “trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi” vang rộ khắp xóm làng. Buổi tối, trên các chòi thông tin vang vang tiếng loa “hỏi đáp” của chiến sỹ Bình dân học vụ. Hầu hết các tầng lớp nhân dân đi học đều đặn, chất lượng dạy và học ngày càng tăng. Đến cuối năm 1949, Trác Văn đã căn bản hoàn thành việc xóa nạn mù chữ và sau đó phát triển thành phong trào bổ túc văn hóa.

Phong trào xây dựng “đời sống mới” được giữ vững: việc làm vệ sinh thôn, xóm (quét dọn, dây cỏ đường ngõ, làm vệ sinh giếng nước công cộng...) đã thành nề nếp thường xuyên. Các đôi phong, bại tục, mê tín dị đoan tiếp tục được thanh toán. Công việc ma chay, cưới xin đều tổ chức theo nghi thức lành mạnh, trang trọng, không tốn phí: Nạn cờ bạc hút xách được bài trừ triệt để. Nhiều đám cưới ở Tường Thụy, Văn Bút, Lôi Hà được tổ chức vui tươi, lành mạnh, có đám tặng nhau bằng lựu đạn, cô dâu chú rể đem ủng hộ cho du kích xã.

Thi hành chủ trương của Huyện Ủy về phát triển Đảng, các ban chỉ ủy đã chú trọng lựa chọn những người tích cực được giáo dục, giác ngộ trong các đoàn thể cứu quốc để kết nạp. Từ 17 Đảng viên đầu năm 1947 đến tháng 3/1949 sau khi hợp nhất thêm thôn Tường Thụy, số đảng viên của Trác Văn lên tới 148 đồng chí và đến cuối năm 1949 lên tới 212 đồng chí với ban chỉ ủy vững mạnh do đồng chí Ủy Văn Cao làm Bí thư chi bộ

Những năm 1948-1949, do yêu cầu cách mạng, các tổ chức Đảng phát triển khá nhanh trong dịp Huyện ủy phát động phong trào thi đua phát triển Đảng và xây dựng chi bộ tự động công tác. Do sự thiếu hiểu biết trong công tác tuyên truyền phát triển Đảng và trình độ giác ngộ giai cấp còn hạn chế nên cũng như nhiều địa phương trong huyện, Trác Văn không tránh khỏi hiện tượng phát triển ô ạt, theo lối cảm tình, lôi kéo cả những người ở tầng lớp hào lý cũ, sư sãi, phú nông, địa chủ vv... vào Đảng, có nơi định “xích hoá toàn thôn”<sup>(18)</sup> như Lôi Hà. Tuy vậy, đa số đảng viên mới được phát triển là những hội

---

<sup>18</sup> Xích hoá toàn thôn: Kết nạp mọi người trong thôn vào Đảng, đây là một quan điểm sai lầm.

viên, đoàn viên cứu quốc tích cực, thuộc thành phần lao động, khả năng lãnh đạo của chi bộ vẫn tăng tiến không ngừng nên từ quý 2-1949 trở đi, phong trào xây dựng Đảng Trác Văn luôn luôn được Huyện uỷ xếp vào loại A cùng với một số ít xã trong huyện và đủ tiêu chuẩn đạt danh hiệu “chi bộ tự động”. Từ cuối 1949 trở đi, Huyện uỷ đã tích cực uốn nắn việc phát triển Đảng và có biện pháp củng cố các chi bộ cơ sở, Trác Văn đã tăng cường sinh hoạt chi bộ, tổ Đảng phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đảng viên, hoạt động trong các khu vực dân cư và trong các đoàn thể cứu quốc đồng thời tăng cường tổ chức học tập các tài liệu: Điều lệ Đảng, Điều lệ Mặt trận Việt Minh, cuốn “nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”, “Sửa đổi lối làm việc” của Hồ Chủ tịch, cuốn “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi” của đồng chí Trường Chinh... Sinh hoạt Đảng giữ đều đặn, đấu tranh nội bộ được giữ vững, đoàn kết được tăng cường, vai trò tích cực của đảng viên ngày càng được phát huy; một số đảng viên lạc hậu, chây lười không đủ tiêu chuẩn đã được sàng lọc đưa ra khỏi Đảng. Do đó sự gắn bó giữa tổ chức Đảng với quần chúng càng chặt chẽ; nhân dân ngày càng tin tưởng, hưởng ứng và tham gia tích cực vào các nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc ở địa phương.

Các đoàn thể cứu quốc tiếp tục phát triển, vận động thu hút mọi người tùy theo giới và lứa tuổi vào các tổ chức, thường xuyên sinh hoạt, học tập để tiếp thu đường lối chính sách của Đảng. Mặt trận Việt Minh được mở rộng, chi uỷ cử một chi uỷ viên làm chủ nhiệm Việt Minh. Khi thành lập Mặt trận Liên Việt, chi uỷ đã cử một Thường vụ sang phụ trách dân vận và chọn một thân hào tiến bộ ra làm Chủ tịch Liên Việt xã. Việc làm này đã thu hút thêm nhiều người thuộc tầng lớp hào lý cũ tham gia Mặt trận. Chi uỷ còn cử một số đồng chí mở lớp học cho các thành viên Mặt trận và uỷ viên chấp hành các đoàn thể cứu quốc nhằm bồi dưỡng kiến thức cho họ về cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện và trường kỳ của dân tộc.



Những biện pháp trên đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận động mọi tầng lớp nhân dân (kể cả địa chủ, phú nông, hào lý cũ) tham gia và ủng hộ kháng chiến, chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của Đảng trong suốt quá trình đấu tranh chống địch ở địa phương.

Để kháng chiến và phục vụ kháng chiến, chi bộ đã đưa việc phát triển và củng cố lực lượng võ trang lên hàng đầu. Chi bộ đã chọn lọc những đảng viên trẻ, khoẻ đưa sang lãnh đạo và chọn số thanh niên cứu quốc có tinh thần, ý thức tốt bổ sung cho lực lượng dân quân du kích xã. Được sự dìu dắt của bộ đội địa phương tỉnh, huyện (thường xuyên có một trung đội đóng ở xã) và qua đưng độ với giặc nhiều lần hành quân qua địa phương, dân quân du kích xã đã trưởng thành nhanh cả về số lượng và chất lượng chiến đấu. Tới đầu năm 1949, toàn xã đã có 500 anh chị em dân quân du kích. Số du kích được biên chế thành 5 trung đội, trong đó có một trung đội bán tập trung gồm 35 người được trang bị 3 súng trường, 1 súng ngắn, một số lựu đạn, mìn tẩu, búp đa, dao găm. Hai lò rèn Văn Bút và Tường Thủy được xã giao trách nhiệm sản xuất và sửa chữa vũ khí thô sơ cho du kích. Một số anh em được chọn cử đi học lớp quân sự do huyện mở, về huấn luyện cho toàn bộ số du kích và dân quân của xã. Để nâng cao trình độ chỉ huy và chiến đấu, xã đội đã chọn một bộ phận anh em đi thực tế chiến đấu nơi có giặc như: Tham gia bao vây bốt Bảo Long (Mỹ Lộc), Cống (Lý Nhân). Phong trào quân sự hoá toàn dân được phát động một số cụ già cũng hăng hái đi luyện tập hàng ngày và lập thành một đội Bạch đầu quân. Nhân dân hết lòng ủng hộ nuôi nấng, động viên giúp đỡ dân quân du kích, mong anh chị em mau trưởng thành làm tròn nhiệm vụ chống giặc giữ làng, bảo vệ nhân dân. Ủy ban kháng chiến hành chính xã trích 5% ruộng đất công giáo cho dân quân du kích sản xuất gây quỹ chiến đấu. Các đoàn thể Hội Nông dân, Hội Phụ nữ tổ chức vận động tiết kiệm ủng hộ anh chị em mua

sấm vũ khí, huy động hội viên giúp đỡ anh chị em lúc thời vụ khẩn trương như cày, bừa, cấy, gặt. Hội Phụ lão cứu quốc đã trích một số cờ, phướn, áo nậu bằng nỉ, dạ ở các đình, miếu ủng hộ anh em may áo trấn thủ hoặc áo rét. Tấm lòng của nhân dân đối với lực lượng vũ trang, con em mình, đã động viên khích lệ anh chị em gắn bó với xóm làng, chịu đựng gian khổ, dũng cảm, chiến đấu trong suốt mấy năm gay go ác liệt.

Từ sau tháng 3-1947, mặc dù giặc giết chóc, đốt phá nhiều lần, thôn Tường Thụy ngoài (bãi) bị đốt một xóm 10 nhà, riêng trong làng giặc đốt đi đốt lại tới 22 lần, không còn một ngôi nhà lợp tranh nào không bị đốt, có gia đình bị đốt đi đốt lại tới 6-7 lần, nhưng nhân dân vẫn lạc quan tin tưởng vào kháng chiến nhất định thắng lợi. Bài thơ sau đây của anh em thanh niên cứu quốc đăng trên tờ báo tường “Quyết Tiến” đã nói lên niềm tin sắt đá đó.

*Xuân Mậu Tý qua mấy năm khói lửa*

*Giành tự do nên ngang ngựa vì Tây*

*Nhớ hôm nào cha xa con, “tở” bỏ “thầy”*

*Song vất vả với những ngày tránh giặc.*

*Rồi mai đây chí càng kiên, lòng càng dày dặn*

*Vững tay chèo trong gió đạn mứa bom.*

*Đã bao phen ngủn ngủt lửa căm hờn,*

*Xây dựng lại xóm thôn lòng chẳng núng,*

*Lều cá măng* (<sup>19</sup>) vẫn là nơi ấm cúng  
Vẫn tăng gia và vẫn chống xâm lăng  
Rồi mái dầy lũ thực dân lực kiệt, thế cùng  
Ắt không thoát khỏi vòng nguy khốn.  
Dân Tường Thuy ta sẽ vô cùng bận rộn  
Kiến thiết làng, vang khúc khải hoàn ca  
Mai lớp người : trai, gái, trẻ, già  
Đều được hưởng tám quà giải phóng  
Sống như thế, thực là đáng sống.

Nhân dân trong xã ngày càng tin tưởng ở thắng lợi, gắn bó với chính quyền cách mạng, đời sống vẫn ổn định, tích cực hưởng ứng, tham gia đóng góp cho kháng chiến: 60% số gia đình thực hiện “hũ gạo kháng chiến” hàng ngày tiết kiệm từng nắm gạo, tổng số thu được 300kg gạo ủng hộ bộ đội; góp gạo khao quân : thu được 3.067kg; tuần lễ vàng đã quyên được 1 cái nhẫn và 2 đôi khuyên tai bằng vàng (không kể gần một tấn đồng đã nói ở trên); số tiền mặt quyên góp được là 559.194 đồng trong đó có 2.775 đồng ủng hộ Tỉnh uỷ Hà Nam (<sup>20</sup>).

---

<sup>19</sup> *Lều cá măng*: Bị giặc đốt nhiều lần dân phải dựng tạm loại nhà lều nhện nóc nên gọi là lều cá măng.

<sup>20</sup> Thời gian này các cán bộ dân, Đảng chưa có chế độ lương. Mọi chi phí về sinh hoạt và công tác phần lớn dựa vào dân. Dự này riêng ông phó Chánh (Nguyễn Văn Chánh - Tường Thuy) ủng hộ 500 đồng.